

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**TỪ SỰ ĐỔI MỚI VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐẾN SỰ ĐỔI MỚI VỀ
CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TỪ 1990 ĐẾN NAY**

ĐỖ THỊ KIM ĐỊNH^(*)

Tôn giáo là một trong những vấn đề quan trọng được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm giải quyết trong quá trình tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, những người đứng đầu Nhà nước đã có những nhận định đúng đắn về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo⁽¹⁾. Với việc thực hiện nhất quán chính sách tự do tín ngưỡng phù hợp với từng thời điểm cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã củng cố được khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo; giữa những tôn giáo khác nhau.

Bài viết của chúng tôi đề cập tới quá trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay.

1. Từ sự đổi mới đường lối về tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam...

Được sự định hướng về đường lối đổi mới trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, với tinh thần mạnh dạn đổi mới, khắc phục những hạn chế trong nhận thức trước đây, ngày 16/10/1990, Bộ

Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-TW Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới. Nghị quyết khẳng định: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Đây được xem như bước khởi đầu, đột phá trong quá trình đổi mới nhận thức về tôn giáo của Đảng ta. Quan điểm đổi mới lớn nhất của Đảng thể hiện trong *Nghị quyết 24*, đó là thay đổi cách nhìn tôn giáo theo kiểu dịch - ta sang quan điểm dân vận. Lần đầu tiên trong văn kiện Đảng, tôn giáo được thừa nhận là một hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. *Nghị quyết 24* đã thể hiện một cách khá đầy đủ về tình hình tôn giáo cũng như về công

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Thể hiện ở tuyên bố của Hồ Chí Minh trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 3/9/1945, đó là: “*Vấn đề thứ sáu*, thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”.

tác tôn giáo, quan điểm, nhiệm vụ và chính sách đối với tôn giáo trong giai đoạn mới, đã tạo ra bước ngoặt cơ bản cả về nhận thức và hành động đối với vấn đề tôn giáo.

Sau *Nghị quyết 24, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII* tháng 6/1991 đã đưa toàn bộ những quan điểm đổi mới của *Nghị quyết 24* vào Văn kiện đại hội: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương - giáo và các tôn giáo khác. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”⁽²⁾.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) và *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX* (2001) của Đảng tiếp tục khẳng định tinh thần đổi mới nói trên và đưa thêm một số điểm quan trọng khác như: thực hiện quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường của các tôn giáo và của mọi người dân trên cơ sở tuân thủ pháp luật; Nhà nước không chỉ tôn trọng mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng trên thực tế.

Không chỉ thừa nhận những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp trong các tôn giáo, Đảng ta còn khuyến khích, phát huy những giá trị đó trong công cuộc xây dựng xã hội mới. *Chỉ thị 37* của Bộ Chính trị ngày 2/7/1998 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới* khẳng định: “Những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính

đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm. Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy”.

Thực hiện nhất quán đường lối tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đề ra *Nghị quyết 25/NQ-TW* ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo*. Nghị quyết chỉ rõ: tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo; mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật; các tổ chức tôn giáo được nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật⁽³⁾.

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng vào tình hình, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam, Đảng ta đã nhìn nhận vấn đề tôn giáo với tư duy mới và đề ra đường lối đúng đắn, nhờ đó đã mang lại cách làm mới trong việc giải

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2003.

quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam. Sự đổi mới này là bước ngoặt trong lịch sử nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề tôn giáo. Đúng như nhận xét của Đỗ Quang Hưng: “*Đảng ta không chỉ khai thác toàn diện những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, mà còn dựa trên sự đúc kết những đặc điểm tính cách tôn giáo ở Việt Nam, thấu hiểu vấn đề nhu cầu tôn giáo như một đòi hỏi chính đáng trong hệ thống nhu cầu của quần chúng nói chung, của tín đồ các tôn giáo nói riêng và sau cùng, đã vượt qua cái nhìn chính trị - tôn giáo quen thuộc để có cái nhìn mới về tôn giáo trên cả ba phương diện: tôn giáo một sự kiện lịch sử, tôn giáo một sự kiện xã hội và tôn giáo một sự kiện văn hóa*”⁽⁴⁾.

2. ...Đến sự đổi mới về chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam

Đường lối đổi mới của Đảng về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo đã nhanh chóng được thể chế hoá thành luật pháp nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để điều chỉnh lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Các quy định cụ thể trong Hiến pháp, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư và Chỉ thị lần lượt ra đời.

Văn bản đầu tiên phải kể đến là *Nghị định số 69/HĐBT* ngày 21/3/1991 về các hoạt động tôn giáo của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ. Đây là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên đề cập tương đối toàn diện các lĩnh vực hoạt động tôn giáo kể từ sau *Sắc lệnh 234/SL* về vấn đề tôn giáo do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ngày 14/6/1955. *Nghị định 69* là văn bản mang tính pháp quy, là sự kế thừa thực tiễn của quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đổi mới nhận thức và thực hiện tốt công tác quản lí Nhà nước

đối với hoạt động tôn giáo nhằm bảo đảm nhu cầu tín ngưỡng chính đáng của nhân dân. Qua đó đã phát huy được năng lực, sức sáng tạo của hàng chục triệu đồng bào theo tôn giáo, góp phần dân chủ hoá đời sống xã hội trên cơ sở ổn định chính trị.

Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện *Nghị định 69/HĐBT*, theo tinh thần chỉ đạo của *Chỉ thị 37*, ngày 19/4/1999 Chính phủ ban hành *Nghị định 26/1999/NĐ-CP* của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

Tiếp đó, sau một thời gian dài chuẩn bị, ngày 18/6/2004 tại phiên họp thứ 19 khoá XI, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2005. Để Pháp lệnh thực sự đi vào cuộc sống, ngày 01/03/2005 Chính phủ đã ban hành *Nghị định 22/2005/NĐ-CP* hướng dẫn thi hành một số điều của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* và *Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg* ngày 4/12/2005 *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành* và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Tất cả đã tạo nên một hành lang pháp lí bảo hộ cho tự do tôn giáo và quyền lợi của các nhóm tôn giáo ở Việt Nam. Đặc biệt sự ra đời của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2004, được coi là một dấu mốc quan trọng trên con đường hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta. *Pháp lệnh* ra đời không chỉ tạo cơ sở pháp lí bảo đảm cho công dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lí nhà nước đối với lĩnh vực

4. Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lí luận và thực tiễn*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, tr.341-342.

tôn giáo, khẳng định được vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* ra đời là một minh chứng, một bước tiến và một lần nữa tiếp tục khẳng định nguyên tắc nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Sự đổi mới chính sách tôn giáo thể hiện trên các mặt: hoạt động truyền bá giáo lý, thực hành giáo lễ, quản lý tổ chức của một tôn giáo (còn gọi là truyền đạo, hành đạo, quản đạo) và quan hệ quốc tế của các tôn giáo. Cụ thể:

Thứ nhất, quy định cụ thể đối với việc công nhận tổ chức tôn giáo. Nhà nước sẽ công nhận tư cách pháp nhân về mặt tổ chức đối với các tổ chức tôn giáo nếu chúng hội đủ các điều kiện cần thiết. Một trong những điều kiện quan trọng là đã đăng ký hoạt động và hoạt động tôn giáo ổn định. Khi các tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân về mặt tổ chức thì được pháp luật bảo hộ, được tiến hành các hoạt động tôn giáo như: phong chức, phong phẩm chức sắc, mở trường đào tạo chức sắc, tổ chức hội nghị, đại hội... Về mặt tổ chức, Nhà nước cũng cho phép các tổ chức tôn giáo đã được công nhận thành lập, chia tách, sáp nhập, giải tán các tổ chức trực thuộc.

Các tổ chức tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân có quyền thực hiện việc phong chức, phong phẩm, việc suy cử chức sắc, nhà tu hành theo đúng Hiến chương, Điều lệ hoặc giáo luật của mình. Nhà nước chỉ nêu lên những tiêu chuẩn về mặt công dân của người được phong chức, phong phẩm, suy cử để các tổ chức tôn giáo lựa chọn được những chức sắc, nhà tu hành tiêu biểu cả hai mặt đạo và đời. Đối với việc chuyển chức

sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo chỉ cần thông báo với chính quyền cấp huyện nơi đi và đăng ký hoạt động với chính quyền cấp huyện nơi đến.

Thứ hai, đối với hoạt động thực hành giáo lễ (hành đạo). Đây là hoạt động chính của mỗi tổ chức tôn giáo, của tín đồ, chức sắc, nhà tu hành nhằm thể hiện đức tin của mình hay của cộng đồng.

+ Về sinh hoạt tôn giáo của tín đồ: Tín đồ các tôn giáo được tự do thực hiện các nghi thức tôn giáo theo truyền thống tại gia đình và nơi thờ tự; được sử dụng kinh sách, đồ dùng việc đạo trong sinh hoạt tôn giáo, được mời các chức sắc, nhà tu hành hướng dẫn các sinh hoạt tôn giáo. Những sinh hoạt tôn giáo của tín đồ ở nơi thờ tự do chức sắc phụ trách phải đăng ký hàng năm với chính quyền cơ sở.

+ Về hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành: Chức sắc, nhà tu hành, những người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp được tự do hoạt động trong phạm vi phụ trách, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tôn giáo diễn ra trong phạm vi phụ trách. Phải đăng ký với chính quyền cơ sở chương trình hành đạo hàng năm. Khi thực hiện lịch sinh hoạt tôn giáo đã đăng ký và được chấp thuận thì không phải xin phép.

Thứ ba, đối với việc quản lý tổ chức của một tôn giáo (quản đạo). Đây là hoạt động của tổ chức giáo hội và những người là chức sắc, nhà tu hành để duy trì, phát triển đời sống đạo. Chính sách của nhà nước quy định:

+ Về nơi thờ tự của các tôn giáo: Nơi thờ tự của các tôn giáo (chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, trai phòng, hội quán, v.v...) là sở hữu chung của cộng

đồng tín đồ được Nhà nước bảo hộ. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm lấn chiếm nơi thờ tự của các tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo được tiến hành các hoạt động tu bổ, trùng tu, sửa chữa nơi thờ tự. Việc tu bổ bảo dưỡng bình thường không phải xin phép. Chỉ khi nào trùng tu với quy mô lớn làm thay đổi cấu trúc, kiến trúc thì phải xin phép theo quy định. Những nơi khu dân cư đã ổn định và vùng kinh tế mới nếu tín đồ có nhu cầu thì được xây dựng nơi thờ tự mới nhưng phải có sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

+ Các tôn giáo được mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành; được phép xuất bản kinh sách, sản xuất và lưu thông đồ dùng đạo theo quy định của Nhà nước.

Khuyến khích các chức sắc, nhà tu hành và tín đồ tham gia vào việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, các phong trào của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, hoạt động từ thiện, nhân đạo trong khuôn khổ chủ trương chung, nhưng không lập tổ chức riêng mà gia nhập hệ thống phúc lợi xã hội công cộng.

Thứ tư, về quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo: Các tổ chức, cá nhân tôn giáo được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quan hệ giao lưu quốc tế, được đi đào tạo ở nước ngoài... cũng như mọi tổ chức xã hội khác. Những hoạt động đó được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và luật pháp nước ta, không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết, hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc, phù hợp với tập quán quốc tế, không làm tổn thương đến lợi ích quốc gia, danh dự của Tổ quốc và mối bang giao giữa nước ta với các nước khác. Các hoạt động quan

hệ quốc tế về mặt tổ chức phải được sự chấp thuận của chính quyền.

Nhà nước tạo điều kiện cho phép các giáo sĩ, chức sắc các tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam để thăm các tổ chức, cá nhân tôn giáo tương ứng hợp pháp ở Việt Nam hoặc để giúp Việt Nam thực hiện các dự án của các tổ chức phi chính phủ, mà hai bên đã thoả thuận nhưng phải tuân theo những quy định pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra, đối với người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam nếu có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo cá nhân thì được chính quyền các cấp và tổ chức tôn giáo ở Việt Nam giúp đỡ để được sinh hoạt tôn giáo hoặc chung với tín đồ tôn giáo của Việt Nam, hoặc sinh hoạt riêng tại cơ sở thờ tự của Việt Nam, được mời các chức sắc tôn giáo ở Việt Nam giúp thực hiện một số nghi thức tôn giáo, hoặc giảng đạo. Nếu người nước ngoài muốn hoạt động tôn giáo ở Việt Nam phải được sự chấp thuận của chính quyền.

Một vài số liệu và những minh chứng cụ thể dưới đây cho thấy những thành quả mà chúng ta đã đạt được từ khi có sự đổi mới về đường lối và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng và Nhà nước được thực thi đã mang lại một không khí sôi động trong sinh hoạt tôn giáo. Các lễ hội tôn giáo được tổ chức quy mô với hình thức phong phú, diễn ra ở khắp mọi nơi, thu hút đông đảo chức sắc, tín đồ tôn giáo và người dân tham gia. Nhu cầu sinh hoạt văn hoá tâm linh của nhân dân được Đảng, Nhà nước và chính quyền các địa phương tạo điều kiện thuận lợi đã làm cho chức sắc, tín đồ các tôn giáo yên tâm, phấn khởi và tin tưởng

vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo” được phát huy.

Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chức sắc chuyên nghiệp của các tôn giáo cũng được Đảng, Nhà nước quan tâm. Số lượng các trường đào tạo chức sắc của các tôn giáo ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến nay, Phật giáo có 03 Học viện Phật học ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 Học viện Phật giáo Nam Tông Khơme đang được triển khai xây dựng ở Cần Thơ. Ngoài ra còn có 06 lớp Cao đẳng Phật học và 31 lớp Trung cấp Phật học với trên 3000 Tăng, Ni sinh. Đạo Công giáo từ chỗ chỉ có 1 Đại chủng viện năm 1987, đến nay đã có 06 Đại chủng viện. Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) cũng có Viện Thánh kinh thần học. Các tôn giáo như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo liên tục tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo lý cho chức sắc, chức việc và tín đồ.

Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo đều có báo, tạp chí ra định kì, kinh sách cho hoạt động tu học của tín đồ các tôn giáo cũng được Nhà nước quan tâm. Sau khi Nhà xuất bản Tôn giáo được thành lập rất nhiều kinh sách của các tôn giáo đã được xuất bản. Năm 2007, Nhà xuất bản Tôn giáo đã cấp giấy phép xuất bản gần 500 ấn phẩm, đặc biệt việc xem xét cấp giấy phép xuất bản Kinh Thánh bằng tiếng dân tộc được quan tâm đáp ứng⁽⁵⁾.

Việc công nhận tư cách pháp nhân đối với các giáo hội và các tổ chức tôn giáo tương đương được Nhà nước quan tâm. Thực tiễn đã cho thấy, quy trình thành lập, công nhận giáo hội và các tổ chức tôn giáo tương đương là một trong những nỗ

lực rất lớn của Nhà nước trong việc thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác tôn giáo.

Sau khi có quy định mới của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, các tôn giáo chưa được công nhận về tổ chức đã tiến hành đăng kí hoạt động và xin được công nhận về mặt tổ chức. Theo Báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ, đến nay, có 13 tổ chức, hệ phái được cấp đăng kí hoạt động tôn giáo và từng bước được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức khi hội đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật như: Hội Truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức; các tổ chức tôn giáo như: đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Baha'i, Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật đường Nam tông Minh sư đạo, Minh lý đạo Tam tông miếu, Hội thánh Cơ Đốc Phục lâm Việt Nam, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Ân điển - Nam phương), Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương), Hội thánh Mennonite Việt Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam đã được cấp đăng kí hoạt động tôn giáo, đang tập trung xây dựng Hiến chương, đường hướng hành đạo tổ chức đại hội và xin công nhận về mặt tổ chức. Cho đến thời điểm năm 2008, trên phạm vi cả nước có 22 tổ chức đã được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức. Trong 22 tổ chức tôn giáo được công nhận hoạt động có 1 tổ chức Phật giáo, 1 tổ chức thuộc Công giáo, 11 tổ chức của đạo Cao Đài, 4 tổ chức thuộc đạo Tin Lành, 3 tổ chức thuộc Islam giáo, 1 tổ chức của Tịnh Độ cư sĩ Phật hội, 1 tổ chức thuộc Phật giáo Hoà Hảo.

5. Ban Tôn giáo Chính phủ. *Báo cáo tổng kết công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo năm 2007 và nhiệm vụ công tác năm 2008*.

Chỉ thị 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành ra đời và triển khai rộng khắp trong cả nước, ngoài việc khẳng định chính sách tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam còn giúp các nhà quản lý phân biệt rõ giữa vấn đề tôn giáo và vấn đề tôn giáo bị lợi dụng. Sau khi Chỉ thị ra đời rất nhiều các điểm nhóm đạo Tin Lành đã được công nhận. Theo Báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến năm 2007, đạo Tin Lành khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc có 80 điểm nhóm đăng ký đã sinh hoạt, 40 điểm nhóm khác chuẩn bị được cấp đăng ký; khu vực các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước có 104 chi hội được công nhận, 1.080 điểm nhóm thuộc Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật⁽⁶⁾.

Với những chính sách, pháp luật thông thoáng của Nhà nước, quan hệ quốc tế của các tôn giáo ngày càng rộng mở và diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các lĩnh vực như: trao đổi đoàn các chức sắc, tín đồ ra nước ngoài học tập, dự hội nghị, hội thảo, tham gia các hội nghị quốc tế tôn giáo thế giới, khu vực và các đoàn của các tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam; các tổ chức phi chính phủ (NGO), trong đó có các tổ chức có nguồn gốc tôn giáo vào thực hiện các dự án viện trợ tại Việt Nam. Năm 2007 được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức đăng cai tổ chức Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Đại lễ Vesak) năm 2008. Đây là sự kiện có ý nghĩa lớn về hoạt động đối ngoại tôn

giáo. Và mới đây, tháng 5/2008, Việt Nam đã tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc và được các tổ chức Phật giáo các nước trên thế giới đánh giá cao.

Có được những thành quả nói trên là nhờ đường lối đổi mới đúng đắn, sâu sắc và toàn diện của Đảng cùng với chính sách tôn giáo phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Trong suốt chặng đường đổi mới, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng và Nhà nước ta đã có rất nhiều nỗ lực trong nhận thức và hành động để mang lại một bầu không khí sinh hoạt tôn giáo ổn định; đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân đồng thời phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Thực tế đã cho thấy, chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam và việc thực hiện chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong thời gian qua đã đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng, hợp pháp của tín đồ, chức sắc, nhà tu hành và của các tổ chức tôn giáo. Đông đảo tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo yên tâm, phấn khởi tin tưởng vào chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh./.

6. Ban Tôn giáo Chính phủ. *Báo cáo tổng kết công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo năm 2007 và nhiệm vụ công tác năm 2008.*